

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 318/2022/QĐST-HN, ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thùy D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Cao Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn T yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 09/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông T không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, vợ con, nhậu nhẹt và đánh bà. Bà nhiều lần khuyên nhủ và tạo cơ hội để vợ

chồng hàn gắn hạnh phúc, nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà D yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thị Kim K, sinh ngày 22/9/2006 và Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 23/3/2010 hiện do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng, mặc dù ông có ăn nhậu nhưng cũng quan tâm đến gia đình, không bỏ bê vợ con. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 3 năm nay, ông đã nhận ra thiếu sót của bản thân. Tuy vợ chồng bất hòa nhưng ông vẫn không đồng ý ly hôn, vì tình cảm dành cho bà D vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà D về việc ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim K, sinh ngày 22/9/2006 và Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 23/3/2010. Ông thống nhất nguyện vọng của 02 con chung được sống với bà D sau khi ly hôn, ông không tranh chấp quyền nuôi con. Bà D không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà D về tài sản chung và nợ chung do ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại khóm T, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay, bà Cao Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Cao Thùy D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2010, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà D trình bày sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, nhậu nhẹt và đánh bà. Bà nhiều lần khuyên nhủ và tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà D yêu cầu ly hôn ông T. Ông T thống nhất nguyên nhân vợ chồng bất hòa đúng như bà D trình bày. Tuy nhiên, ông cho rằng mâu thuẫn không đáng kể, vẫn còn cơ hội hàn gắn và tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim K, sinh ngày 22/9/2006 và Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 23/3/2010 hiện do bà D nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Ông T thống nhất để bà D được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, ông không tranh chấp quyền nuôi con. Bà D không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D thống nhất về tài sản chung và nợ chung do ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, bà D cho rằng quan hệ hôn nhân của ông bà không hạnh phúc, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà nhiều lần hàn gắn, tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ông T thừa nhận bản thân có thiếu sót như bà D trình bày, tuy nhiên ông vẫn còn thương vợ và mâu thuẫn chưa trầm trọng, còn có khả năng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về hôn nhân, mặc dù được hòa giải, động viên nhưng bà D không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn. Thời gian qua ông T cũng không quyết tâm sửa chữa để cải thiện tình cảm vợ chồng. Cả hai không hòa giải, tìm giải pháp tháo gỡ bất hòa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thùy D được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

[3.2]. Về con chung, ông T và bà D có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim K, sinh ngày 22/9/2006 và Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 23/3/2010. Ông bà thống nhất, bà D

được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà D là người trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Bà D phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung, ông T và bà D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Cao Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thùy D được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim K, sinh ngày 22/9/2006 và Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 23/3/2010. Ông bà thỏa thuận:

Bà D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà D không yêu cầu.

Bà D phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thùy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001296, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

